



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT NIGAO VIỆT NAM

Nigao Viet Nam Science Technology CO.,LTD

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Keo dán gạch thông dụng GCN100 C0

Mô tả		Đặc tính ưu việt	
GCN 100 C0 là một loại keo dán gạch gốc xi măng, được sản xuất từ xi măng chất lượng cao, cát khoáng thiên nhiên tinh chế, phụ gia khoáng thiên nhiên và nhiều loại phụ gia polyme thông qua công thức khoa học, thiết bị tiên tiến và quy trình sản xuất hiện đại.		GCN 100 C0 cung cấp những đặc tính sau: - Các thành phần được phối trộn sẵn - Thi công dễ dàng, thuận tiện - Độ bám dính cao, không co ngót - Chống chịu thời tiết tốt - Không độc hại, không ăn mòn - Thân thiện với môi trường	
Ứng dụng		Tiêu chuẩn	
GCN 100 C0 là keo dán gạch cho mục đích thông dụng, phù hợp với các ứng dụng: - Hạng mục sàn và tường - Gạch Ceramic - Các loại gạch có độ hút nước ≥ 6% kích thước ≤ 600 mm x 600 mm - Gạch ốp tường kích thước nhỏ		- GB/T 25181 : 2019 - TCVN 7899 : 2008 - Các kết quả thí nghiệm ở nước ngoài và Việt Nam được cung cấp theo yêu cầu. - Được phân loại C1 theo TCVN 7899-1 : 2008	
THÔNG TIN SẢN PHẨM			
Đóng gói	Bao 20 kg		
Hạn sử dụng	Sản phẩm có bao bì nguyên vẹn và bảo quản tốt có thời hạn sử dụng là 12 tháng		
Điều kiện lưu trữ	Lưu trữ trong bao bì nguyên chưa mở ở nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.		
Ngoại quan/màu sắc	Bột màu xám bê tông		
THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
Cường độ bám dính (TCVN 7899-2:2008)	Cường độ bám dính khi kéo	≥ 0.5 N/mm ²	
	Cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm nước	≥ 0.5 N/mm ²	
	Cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt	≥ 0.5 N/mm ²	
	Thời gian mở (sau ít nhất 20 phút)	≥ 0.5 N/mm ²	
THÔNG TIN THI CÔNG			
Tỷ lệ trộn	Nước/Bột = 23 - 25% (4,6 - 5 kg nước/ 1 bao) (Lượng nước sử dụng để trộn có thể thay đổi tùy thuộc vào độ sệt mong muốn của vữa sau khi trộn)		
Hiệu suất/ Sản lượng	Một bao 20kg cho khoảng 17.5 lít vữa tươi Cần khoảng 57 bao (20kg/bao) để tạo ra 1m ³ vữa		
Định mức	Lượng sử dụng tham khảo cho độ dày thi công 1mm là từ 1.3 kg/m ² đến 1.5 kg/m ² . Dữ liệu này được tính toán trong điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn và chỉ mang tính chất tham khảo. Lượng sử dụng thực tế cần được tính toán dựa trên tình trạng bề mặt tường tại công trường và phương pháp thi công cụ thể.		

	Kích thước bay răng cưa	Định mức	
	6 mm x 6 mm	3.5 (kg/m ²)	
	10 mm x 10 mm	5 (kg/m ²)	
	12 mm x 12 mm	7 (kg/m ²)	
Nhiệt độ môi trường		Tối thiểu +5°C, tối đa +40°C	
Nhiệt độ bề mặt		Tối thiểu +5°C, tối đa +40°C	
Thời gian thi công		Khoảng 45 phút (27°C/độ ẩm 65%)	
Thời gian điều chỉnh		Khoảng 20 phút	
Thời gian để khô		≥ 20 phút	
THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM			
Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.		Việc điều chỉnh gạch nên thực hiện trong vòng 20 phút sau khi thi công Việc lát gạch cần hoàn thành trước khi lớp vữa bắt đầu khô trên bề mặt. Nếu lớp vữa đã khô trên bề mặt, cần phải tạo lại lớp vữa mới. Lượng sử dụng tham khảo cho độ dày thi công 1mm là từ 1.3 kg/m ² đến 1.5 kg/m ² . Dữ liệu này được tính toán trong điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn và chỉ mang tính chất tham khảo. Lượng sử dụng thực tế cần được tính toán dựa trên tình trạng bề mặt tường tại công trường và phương pháp thi công cụ thể.	
Chú ý quan trọng			
Sản phẩm này chỉ cần thêm nước sạch để sử dụng, không cần thêm các loại bột và chất lỏng khác khi trộn. Sản phẩm sau khi mở nắp nên sử dụng hết trong một lần. Nếu chưa sử dụng hết, cần đóng kín và bảo quản, sử dụng càng sớm càng tốt để tránh ẩm ướt ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng.			
Sinh thái học, sức khỏe và an toàn		Xử lý đóng rắn/bảo dưỡng	
- Sinh thái: Không được đổ bỏ vào nguồn nước - Xử lý chất thải: Xử lý theo quy định của địa phương - Vận chuyển: Không nguy hiểm - Sản phẩm này là vật liệu xi măng có tính kiềm. Cần lưu ý hạn chế tiếp xúc trực tiếp với da. Nếu sản phẩm dính vào mắt, cần rửa ngay bằng nước sạch.		Thời gian chờ trước khi trám khe mặt tường Thời gian chờ trước khi trám khe mặt sàn Đưa vào sử dụng	Sau 7 – 8 giờ Sau 24 giờ Sau 14 ngày
HƯỚNG DẪN THI CÔNG		Vệ sinh dụng cụ	
Chất lượng bề mặt/xử lý sơ bộ			
Bề mặt thi công phải phẳng, chắc chắn, khô ráo, sạch sẽ, không có dầu mỡ, không có bụi bẩn, không có tạp chất hoặc các chất bẩn khác. Độ bám dính kéo giãn của bề mặt thi công phải lớn hơn 0.4 MPa.		Tất cả thiết bị sau khi sử dụng phải được rửa sạch ngay bằng nước; vật liệu sau khi đã đóng rắn chỉ có thể làm sạch bằng phương pháp cơ học.	
Trộn		Lưu ý	
Đổ từ từ sản phẩm vào nước sạch, khuấy nhẹ, lượng nước thực tế thêm vào tùy theo độ đặc cần thiết khi thi công. Sau khi khuấy đều lần đầu, để hỗn hợp trong khoảng (3-5) phút, sau đó khuấy lại (1-2) phút trước khi sử dụng. Hỗn hợp đã trộn xong cần sử dụng hết trong một lần, không được thêm nước và khuấy lại để sử dụng lần hai.		Những hướng dẫn trên được đúc kết từ quá trình thử nghiệm và thực tiễn. Vui lòng thi công đúng theo các yêu cầu trong hướng dẫn. Nếu xảy ra sự cố chất lượng do không tuân thủ đúng quy trình thi công như hướng dẫn, Công ty chúng tôi có thể cung cấp dịch vụ kỹ thuật và giải pháp xử lý, nhưng sẽ không chịu trách nhiệm về các tổn thất hay thiệt hại liên quan. Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ đại lý địa phương hoặc nhân viên kỹ thuật của Công ty chúng tôi để được hỗ trợ.	
Thi công			
Dùng bay để phết đều hỗn hợp vữa đã trộn lên bề mặt thi công và mặt dán gạch, sau đó dùng bay có răng cưa phù hợp để tạo các đường vân đều và thẳng. Dùng lực ấn mạnh gạch lên bề mặt thi công, hoặc sử dụng búa cao su, thiết bị rung hoặc các công cụ khác để đảm bảo gạch được dán chặt vào bề mặt.			



VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
VIỆN CHUYÊN NGÀNH BÊ TÔNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Institute for Concrete Technology (IBST/ICT)

Địa chỉ: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội Tel: 84.24.38360247 Fax: 84.24.37544013
Số: 255/2025/GM-TN
30 - 2025/KQ

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM VỮA, KEO DÁN GẠCH
Testing Results on Grouts and Adhesives

1. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP - Information supplied by the client

Đơn vị đặt hàng	- Client	: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT NIGAO VIỆT NAM
Chủ đầu tư	- Employer	: -
Tư vấn	- Consultant	: -
Nhà thầu	- Contractor	: -
Dự án	- Project	: KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
Hạng mục	- Items	: -
Ký hiệu mẫu	- Sample mark	: Kéo dán gạch GCN 50 S1
Ngày lấy mẫu	- Sampling date	: - Lô số - Lot No. : -

2. KẾT QUẢ THỬ - Testing results

Phương pháp thử - Testing method : TCVN 7899-2:2008

Ngày nhận mẫu - Sample receiving date : 15/04/2025

Ngày thí nghiệm - Testing date : 18/04 - 16/05/2025

2.1 Cường độ bám dính khi kéo - Bonding strength

STT No.	Kích thước mẫu Specimen size, mm		Diện tích bề mặt mẫu TN Surface area of testing spec., mm ²	Lực kéo đứt Pull - off load, N	Cường độ bám dính Bonding strength, N/mm ²		
	C. dài Length	C. rộng Width			Từng mẫu Each specimen	Trung bình Average	YCKT - Spec.
1	50	50	2.500	5.000	2,0	2,1	--
2	50	50	2.500	5.400	2,2		
3	50	50	2.500	5.400	2,2		
4	50	50	2.500	5.600	2,2		
5	50	50	2.500	5.000	2,0		
6	50	50	2.500	4.600	1,8		
7	50	50	2.500	5.000	2,0		
8	50	50	2.500	5.600	2,2		
9	50	50	2.500	5.200	2,1		
10	50	50	2.500	5.300	2,1		

2.2 Cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm nước - Bonding strength after immersed in water

STT No.	Kích thước mẫu Specimen size, mm		Diện tích bề mặt mẫu TN Surface area of testing spec., mm ²	Lực kéo đứt Pull - off load, N	Cường độ bám dính Bonding strength, N/mm ²		
	C. dài Length	C. rộng Width			Từng mẫu Each specimen	Trung bình Average	YCKT - Spec.
1	50	50	2.500	4.000	1,6	1,8	--
2	50	50	2.500	4.600	1,8		
3	50	50	2.500	4.800	1,9		
4	50	50	2.500	4.600	1,8		
5	50	50	2.500	4.500	1,8		
6	50	50	2.500	4.700	1,9		
7	50	50	2.500	4.400	1,8		
8	50	50	2.500	5.200	2,1		
9	50	50	2.500	4.800	1,9		
10	50	50	2.500	4.600	1,8		

BM ISO 91 (LAS-03-03)-KQTN 34

1/3

2.3 Cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt - Bonding strength after heated

STT No.	Kích thước mẫu Specimen size, mm		Diện tích bề mặt mẫu TN Surface area of testing spec., mm ²	Lực kéo đứt Pull - off load, N	Cường độ bám dính Bonding strength, N/mm ²		
	C. dài Length	C. rộng Width			Từng mẫu Each specimen	Trung bình Average	YCKT - Spec.
1	50	50	2.500	4.400	1,8	1,7	--
2	50	50	2.500	4.400	1,8		
3	50	50	2.500	4.200	1,7		
4	50	50	2.500	4.600	1,8		
5	50	50	2.500	3.800	1,5		
6	50	50	2.500	4.200	1,7		
7	50	50	2.500	4.000	1,6		
8	50	50	2.500	4.600	1,8		
9	50	50	2.500	4.200	1,7		
10	50	50	2.500	3.800	1,5		

2.4 Thời gian mở - Open time

Thời gian tạo mẫu kể từ khi trộn Time from mixing to making sample	STT No.	Kích thước mẫu Specimen size, mm		Diện tích bề mặt mẫu TN Surface area of testing spec., mm ²	Lực kéo đứt Pull - off load, N	Cường độ bám dính Bonding strength, N/mm ²		
		C. dài Length	C. rộng Width			Từng mẫu Each specimen	Trung bình Average	YCKT - Spec.
Sau 20 phút After 20 min.	1	50	50	2.500	4.200	1,7	1,7	--
	2	50	50	2.500	5.000	2,0		
	3	50	50	2.500	4.800	1,9		
	4	50	50	2.500	4.600	1,8		
	5	50	50	2.500	4.200	1,7		
	6	50	50	2.500	4.400	1,8		
	7	50	50	2.500	4.400	1,8		
	8	50	50	2.500	4.100	1,6		
	9	50	50	2.500	4.000	1,6		
	10	50	50	2.500	3.800	1,5		
Sau 30 phút After 30 min.	1	50	50	2.500	3.400	1,4	1,2	--
	2	50	50	2.500	3.200	1,3		
	3	50	50	2.500	2.600	1,0		
	4	50	50	2.500	2.800	1,1		
	5	50	50	2.500	3.000	1,2		
	6	50	50	2.500	3.100	1,2		
	7	50	50	2.500	3.200	1,3		
	8	50	50	2.500	3.400	1,4		
	9	50	50	2.500	3.200	1,3		
	10	50	50	2.500	3.000	1,2		
Sau 40 phút After 40 min.	1	50	50	2.500	1.400	0,6	0,6	--
	2	50	50	2.500	1.200	0,5		
	3	50	50	2.500	1.800	0,7		
	4	50	50	2.500	1.200	0,5		
	5	50	50	2.500	1.600	0,6		
	6	50	50	2.500	1.800	0,7		
	7	50	50	2.500	1.800	0,7		
	8	50	50	2.500	2.000	0,8 (*)		
	9	50	50	2.500	1.700	0,7		
	10	50	50	2.500	1.600	0,6		
Sau 50 phút After 50 min.	1	50	50	2.500	800	0,3	0,3	--
	2	50	50	2.500	900	0,4 (*)		
	3	50	50	2.500	600	0,2 (*)		
	4	50	50	2.500	700	0,3		
	5	50	50	2.500	800	0,3		
	6	50	50	2.500	800	0,3		
	7	50	50	2.500	700	0,3		
	8	50	50	2.500	900	0,4 (*)		
	9	50	50	2.500	600	0,2 (*)		
	10	50	50	2.500	800	0,3		

Thời gian mở - Open time: 40 (phút - min.)

Yêu cầu KT - Spec. : -

255/2025/GM-TN
30 - 2025/KQ

2/3

2.5 Độ trượt - Slip

Viên mẫu Specimen	Kích thước mẫu Specimen size, mm		Khối lượng mẫu Specimen weight, g	Khoảng cách từ cạnh thước thẳng đến viên gạch The gap between the straight edge and the tile, mm		Chênh lệch giữa hai lần đo The difference between the two readings, mm		
	C. dài Length	C. rộng Width		Ban đầu Initial	Sau (20±2) phút After (20±2) min	Từng mẫu Each specimen	Trung bình Average	YCKT - Spec.
1	101,0	100,5	205,2	26,55	26,71	0,16	0,18	--
2	100,6	100,2	204,6	27,09	27,28	0,19		
3	100,4	100,1	204,3	26,74	26,92	0,18		

2.6 Biến dạng ngang - Transverse deformation

Viên mẫu Specimen	Chiều dày Thickness, mm	Biến dạng ngang Transverse deformation, mm		
		Từng mẫu Each specimen	Trung bình Average	YCKT - Spec.
1	3,08	3,06	3,04	--
2	3,02	2,95		
3	3,05	3,11		

Ghi chú:
- Mẫu keo dán gạch do khách hàng mang đến
- Tỷ lệ Nước/Kéo khô = 30% (theo khối lượng) do khách hàng chỉ định;
- (*) Mẫu lệch không tính vào giá trị trung bình.

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2025

GIÁM SÁT THÍ NGHIỆM
Witnessed by

NGƯỜI THÍ NGHIỆM
Tested by

PHÒNG TN BÊ TÔNG VÀ VLXD
Lab. for Concrete and
Building Materials

VIỆN CHUYÊN NGÀNH BÊ TÔNG
Institute for Concrete Technology

CDT :

Employer :

TVGS :

Consultant :

Nhà thầu :

Contractor :

TNV. Lê Huyền Trang

TKS. Trần Quốc Toàn

PHÓ GIÁM ĐỐC

THS. Đỗ Thị Lan Hoa

255/2025/GM-TN
30 - 2025/KQ

3/3

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT NIGAO VIỆT NAM



CHỨNG NHẬN QUỐC GIA
GOOD VIỆT NAM



Bản chi tiết sản phẩm: Keo dán gạch thông dụng GCN100 C0

Địa chỉ: Thôn Chi Long, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Hotline: 0221 3767 583

Bộ phận kỹ thuật: 0783 119 423

Bộ phận kinh doanh: 0968 499 822

Website: Nigao-kj.com

INTERNATIONAL CERTIFICATION



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM/
THIS IS TO CERTIFY PRODUCT

KEO DÁN GẠCH

ADHESIVES

(Chi tiết tại Quyết định/ Details in the Decision)

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI PRODUCED IN:

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT NIGAO VIỆT NAM

NIGAO VIET NAM SCIENCE TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:
Thôn Chi Long, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Chi Long Village,
Nguyễn Văn Linh Commune, Hưng Yên Province, Vietnam.

PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA/ COMPLY WITH REQUIREMENTS OF:

TCVN 7899-1:2008

PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION METHOD:
Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCH/ Method 5 - Circular No. 28/2012/TT-BKHCH.

Số chứng chỉ/ Certification No.: GOODVN930C25.HCS
Ngày cấp/ Issued date: 22/10/2025
Giá trị đến/ Expired date: 21/10/2028





Truy xuất chứng nhận/
Trace the certificate

Đấu chứng nhận/
Certification mark

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR
NGUYỄN ĐỖ SƠN

GOOD VIET NAM NATIONAL CERTIFICATION JOINT STOCK COMPANY
Add: 508 Mai Hắc Đế Street, Nguyễn Du Ward, Hai Bà Trưng District, Hanoi Website: chungthuongquocgia.com Tel: 0945.001.005

Giấy chứng nhận này sẽ hết hiệu lực nếu tổ chức không tuân thủ việc đánh giá giám sát hàng năm/
The certificate is no longer valid, if your organization does not conduct the annual surveillance audits

**CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN
QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM**
Số: 93025.HCS/QĐ-GOODVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, Ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn BS EN14891:2017, tiêu chuẩn TCVN 9204:2012 và tiêu chuẩn TCVN 7899-1:2008

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-GOODVN ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 3680/TĐC-HCHQ ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ vào báo cáo kết quả của đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn BS EN14891:2017 số GOODVN 930A25.HCS cho sản phẩm Vật liệu chống thấm gốc xi măng- polyme, TCVN 9204:2012 số GOODVN930B25.HCS cho sản phẩm Vữa xi măng khô trộn sẵn không có và Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn TCVN 7899-1:2008 số GOODVN930C25.HCS cho sản phẩm Keo dán gạch Ngày 22 tháng 10 năm 2025 cho Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Nigao Việt Nam. Có địa chỉ: Thôn Chi Long, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Cụ thể:

Sản phẩm	Nhãn hiệu	Kiểu loại	Tiêu chuẩn áp dụng
Vữa chống thấm E31	-	CM	BS EN14891:2017
Vữa chống thấm linh hoạt E32	-	CM	
Keo dán gạch thông dụng GCN100 C0	-	Loại C1	TCVN 7899-1:2008
Keo dán gạch siêu kết dính GCN200 C1T	-	Loại C1T	
Keo dán gạch linh hoạt GCN400 C2T	-	Loại C2T	
Keo dán gạch siêu linh hoạt GCN500 S1	-	Loại C1S1	TCVN 9204:2012
Vữa rót không có ngót cường độ cao NK-A40	-	Loại A40	
Vữa rót không có ngót cường độ cao NK-A60	-	Loại A60	
Vữa rót không có ngót cường độ cao NK-A80	-	Loại A80	

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCH ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời hạn **03 năm** kể từ ngày 22/10/2025 đến ngày 21/10/2028. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Nigao Việt Nam được phép sử dụng dấu chứng nhận theo công văn số 93025.HCS/GOODVN-CN.

Điều 3. Công ty TNHH Sơn Á có trách nhiệm duy trì và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và các yêu cầu về chất lượng của sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn BS EN14891:2017, TCVN 9204:2012, TCVN 7899-1:2008 và được Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam đánh giá giám sát định kỳ.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: CNKT.

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỖ SƠN

**CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN
QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM**
Số: 93025.HCS/GOODVN – CN
V/v: Sử dụng dấu chứng nhận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, Ngày 22 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT NIGAO VIỆT NAM**

Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Nigao Việt Nam đã được Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc gia GOOD Việt Nam đánh giá và cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn BS EN14891:2017 cho sản phẩm Vật liệu chống thấm gốc xi măng- polyme, tiêu chuẩn TCVN 9204:2012 cho sản phẩm Vữa xi măng khô trộn sẵn không có và tiêu chuẩn TCVN 7899-1:2008 cho sản phẩm Keo dán gạch. Quý Công ty được phép sử dụng dấu chứng nhận và logo của GOODVN để tuyên truyền, quảng bá và khẳng định chất lượng sản phẩm của mình theo mẫu và quy định dưới đây:





- Dấu chứng nhận có thể được sử dụng trong các trường hợp sau:**
 - Trong bao bì sản phẩm, các tiếp đầu thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, tài liệu quảng cáo, name-card, các chứng từ và các tài liệu tiếp thị;
 - Trong các chương trình quảng cáo, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí...;
 - Trên các phương tiện giao thông, vận tải, các bảng quảng cáo công cộng...
- Dấu chứng nhận không được sử dụng trong các trường hợp sau:**
 - Sản phẩm không thuộc danh mục do GOODVN chứng nhận;
 - Giấy chứng nhận trong thời gian bị đình chỉ hoặc khi có Quyết định hủy bỏ chứng nhận của GOODVN.
- Chú ý khi sử dụng:**
 - Dấu chứng nhận được in đúng theo mẫu như miêu tả, hay có thể dùng một màu để phù hợp với những giấy tờ, tài liệu, báo, tạp chí đã in sẵn;
 - Dấu chứng nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phần chữ có thể đọc được rõ ràng;
 - Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận không được chuyển nhượng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: CNKT.

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỖ SƠN

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT NIGAO VIỆT NAM



Bản chi tiết sản phẩm: Keo dán gạch thông dụng GCN100 C0

Địa chỉ: Thôn Chi Long, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Hotline: 0221 3767 583

Bộ phận kỹ thuật: 0783 119 423

Bộ phận kinh doanh: 0968 499 822

Website: Nigao-kj.com